

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2024/DS-ST
Ngày: 26-7-2024.
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
dịch vụ và hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Ninh;
- Bà Trần Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lâm Quốc Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 480/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng dịch vụ*” Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **131/2024/QĐXX-ST** ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp N, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh; (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà N: Anh Đặng Tấn L1, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Theo hợp đồng ủy quyền được lời chứng của công chứng viên văn phòng công chứng Nguyễn Đức Thắng vào sổ công chứng số 004769, quyển số 07/2024 TP/CC/HĐGD lập ngày 03-7/2024; (Có mặt).

Bị đơn: Anh Ngô Tấn L2, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh; (Có mặt).

Người làm chứng: Ông Đỗ Văn B, sinh năm: 1963; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, lời tự khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bà N trình bày:*

Bà N là người chuyên làm dịch vụ dẫn đầu công lao động, vào khoảng thời gian từ đầu đến năm cuối năm 2022, anh Ngô Tấn L2 có yêu cầu cầu bà đứng ra làm người đầu công lao động cho anh L2 tại phần diện tích đất tại sau hè nông trường cao su Gò Dầu diện tích trên 40 ha. Công việc thực hiện cụ thể như sau: Bà dẫn công phát chôi, chăm sóc, trồng bầu, bí đỏ, bí đao, cho đến khi cắt, sau đó kết sổ lại với anh L2 bà nhận tiền và trả tiền lại cho những người công lao động. Số tiền công đã thực hiện công chăm sóc, trồng bầu, bí đỏ, bí đao tổng cộng là 700 giờ, tiền phát chôi giá 28.000.000 đồng - phần này ông L2 đã thanh toán xong. Riêng còn nợ 990 giờ công lao động của bẻ bầu, bẻ bí đao, cắt bí đỏ chưa thanh toán, đơn giá 40.000 đồng/ giờ X 990 giờ = 39.600.000 đồng – tiền đã ứng trước 24.400.000 đồng = còn nợ lại 15.200.000 đồng. Bà yêu cầu anh L2 phải có nghĩa vụ trả lại cho bà để bà thanh toán tiền công lại cho những người lao động khác.

Về tiền vay: Do anh L2 cần vốn để mua hạt giống, thuốc, tiền công nên ngày 15-5-2022, bà cho anh L2 vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 3%/ tháng, thời hạn trả là thỏa thuận miệng 03 tháng thu hoạch hoa màu trả lại. Khi vay tiền anh L2 trực tiếp nhận tiền và ký nhận giấy vay tiền với bà. Sau đó, trong tháng 5-2022, anh L2 vay tiếp số tiền: 14.000.000 đồng (bà đưa tiền trực tiếp cho anh L2, không có làm giấy nợ). Khi thực hiện vay tiền anh đóng lãi cho bà được 03 tháng, đến tháng 7-2022 âm lịch, anh L2 ngưng không đóng lãi. Trong tháng 06-2022 âm lịch, anh L2 đã trả cho bà N 30.000.000 đồng gốc, nên còn nợ 14.000.000 đồng. Do anh L2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà yêu cầu anh L2 phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền này.

Tổng cộng: anh L2 phải trả cho bà số tiền: 14.000.000 tiền vay còn nợ và tiền dịch vụ dẫn công lao động còn nợ 15.200.000. Tổng cộng: 29.200.000 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng). Không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, đại diện của bà N Bà N xác định chỉ duy nhất anh L2 là người trực tiếp giao dịch với bà N, nên anh L2 là người có nghĩa vụ phải thanh toán tiền công lao động và tiền vay còn nợ cho bà N, không liên quan đến ông B và anh Tấnh

Bị đơn anh Ngô Tấn L2 trình bày:

Anh L2 thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị Kim N tổng số tiền vay là 14.000.000 đồng và tiền thuê mướn bà N làm dịch vụ đầu công lao động là: 15.200.000 đồng.

Nhưng anh xác định đây không phải là nợ riêng của anh mà nguyên nhân từ đầu năm 2022 đến cuối năm 2022, anh có hùn vốn với ông T và ông B để thuê đất của nông trường G tổng diện tích 40 ha mục đích để trồng bầu, bí đỏ, bí đao.

Thỏa thuận ông B là người đứng ra thuê đất, kêu gọi đầu công lao động. Trong phần tiền nợ vay của bà N là phần đầu tư mua hạt bí giống 15 ha do anh L2 là người trực tiếp đứng ra vay tiền và ký giấy nợ với bà N tổng số tiền vay 44.000.000 đồng, đã trả lãi và gốc nên còn nợ gốc 14.000.000 đồng. Phần tiền này chưa quyết toán với ông B và ông T.

Đối với tiền thuê mướn đầu công lao động cũng là tiền chung trong việc hùn vốn đầu tư trồng hoa màu diện tích 40 ha và còn nợ bà N 15.200.000 đồng.

Nay bà N khởi kiện anh, yêu cầu Tòa án đưa ông T và ông B vào tham gia tố tụng để cùng có nghĩa vụ trả tiền cho bà N. Vì thực sự ra tiền hùn vốn làm ăn giữa 03 người chưa thanh toán xong, anh không có chứng cứ cung cấp.

Tại phiên tòa, anh L2 đồng ý thanh toán cho bà N số tiền: 10.000.000 đồng, số tiền còn lại là nghĩa vụ của ông B và ông T.

Người làm chứng ông Đỗ Văn B trình bày:

Vào đầu năm 2022 đến cuối năm 2022, anh L2 có nhờ ông đứng ra hợp đồng thuê đất trồng hoa màu bầu, bí đao, bí đỏ tại nông trường cao su G, các bên không có lập hợp đồng hùn vốn vì mọi thủ tục đầu tư đều do anh L2 phụ trách kể cả vay tiền của bà N, thuê mướn công lao động với bà N. Sau đó anh L2 đã tự mình bán hết hàng nông sản nhưng không quyết toán để thanh toán lại cho ông tiền thuê đất, ông đã khởi kiện trong vụ án khác đối với anh L2 về việc anh L2 còn nợ ông tiền thuê đất chưa thanh toán. Đối với vụ kiện của bà N với L2 không có liên quan với ông, vì ông không phải là người trực tiếp thuê mướn công lao động, vay tiền của bà N, không có việc chia lợi nhuận của việc hùn vốn.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án:***

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý giải quyết là đúng quy định; xác định đúng tư cách tố tụng; đảm bảo thời hạn xét xử; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định; đảm bảo nguyên tắc xét xử độc lập, công khai và bình đẳng. Các đương sự thực hiện đúng quy định pháp luật, chấp hành nội quy phiên tòa, tôn trọng Hội đồng xét xử.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 469, 513, 514, 519 của Bộ Luật Dân sự 2015 và Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng dịch vụ*” đối với anh Ngô Tấn L2. Buộc anh Ngô Tấn L2 phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim N tổng số tiền: 29.200.000 đồng.

Án phí: anh Ngô Tấn L2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung:

[1.1] Xét yêu cầu khởi kiện về khoản tiền vay và chứng cứ nguyên đơn cung cấp thấy rằng: theo giấy mượn tiền lập ngày 15-5-2022 do bà Nguyễn Thị Kim N cung cấp và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh L2 thừa nhận là người trực tiếp vay tiền của bà N tổng số tiền vay 44.000.000 đồng, đã trực tiếp thanh toán nợ lãi, trả trước 30.000.000 đồng nên còn nợ khoản tiền vay 14.000.000 đồng là có thật, không cần phải chứng minh. Do ông L2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên bà N khởi kiện là có căn cứ.

[1.2] Xét về khoản tiền yêu cầu thanh toán tiền dịch vụ dẫn công lao động còn nợ 15.200.000 đồng của bà N thấy rằng giữa anh L2 và bà N có sự thỏa thuận về dịch vụ dẫn công lao động trong thời gian từ đầu năm 2022 đến cuối năm 2022, tại phần diện tích đất tại sau hè nông trường cao su G diện tích trên 40 ha. Công thực hiện cụ thể như sau: Bà N có nhiệm vụ dẫn công chăm sóc, trồng bầu, bí đỏ, bí đao cho đến khi cắt tổng cộng là 700 giờ, tiền phát chồi giá 28.000.000 đồng, số tiền này bà N cũng xác nhận là do ông L2 là người trực tiếp thanh toán cho bà đã xong. Riêng đối với phần công lao động của công việc bẻ bầu, bẻ bí đao, cắt bí đỏ tương ứng số giờ lao động 990 giờ với đơn giá 40.000 đồng/giờ thành tiền: 39.600.000 đồng (Ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng) đã được ông L2 ứng trước nhiều đợt khấu trừ 24.400.000 đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) nên còn nợ lại 15.200.000 đồng (mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng) anh L2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán dẫn đến bà N phải ứng số tiền cá nhân trả lại người công lao động là thiệt hại cho bà N nên bà N khởi kiện là có căn cứ.

[1.3] Xét lời trình bày của anh L2 cho rằng do anh và ông B cùng anh Tánh hùn vốn, chưa quyết toán nên yêu cầu cả ba cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N và anh đồng ý trả cho bà N 10.000.000 đồng trong tổng số tiền 29.200.000 đồng là không có căn cứ vì anh L2 không cung cấp cho Tòa án hợp đồng hùn vốn, sổ chi – thu quyết toán trong công việc hùn vốn và các khoản khác, mặc khác Tòa án ban hành Quyết định yêu cầu anh L2 cung cấp đầy đủ thông tin, địa chỉ của anh Tánh nhưng không thực hiện. Hơn nữa chính bản thân anh L2 thừa nhận khi vay tiền của bà N và thuê mướn công lao động, thanh toán tiền công lao động với bà N do tự mình anh thực hiện. Từ đó có cơ sở xác định giữa ông B và anh T không trực tiếp giao dịch với bà N mà do anh L2 tự mình thực hiện nên nghĩa vụ thanh toán là của anh L2. Cần buộc anh L2 có nghĩa vụ thanh toán cho bà N tổng số tiền còn nợ 29.200.000 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng) là có căn cứ.

[2] Xét về yêu cầu tính lãi: bà N không yêu cầu trả lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét và ghi nhận.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N. Buộc anh L2 phải có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền nợ gốc 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) và tiền thuê mướn công lao động là 15.200.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí: anh Ngô Tấn L2 phải chịu 1.460.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim N không phải chịu tiền án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 350.000 đồng theo biên lai số 0013404, ngày 30-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 469, 513, 514, 519 của Bộ Luật Dân sự 2015 và Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng dịch vụ*” của bà Nguyễn Thị Kim N đối với anh Ngô Tấn L2.

Buộc anh Ngô Tấn L2 phải trả cho bà N số tiền 29.200.000 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng). Trong đó: số tiền vay gốc còn nợ là: 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) và tiền dịch vụ thuê mướn công lao động còn nợ là: 15.200.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

Ghi nhận: bà N không yêu cầu tính lãi suất.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Ngô Tấn L2 phải chịu 1.460.000 đồng (Một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim N không phải chịu tiền án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 350.000 đồng theo biên lai số 0013404, ngày 30-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Ngô Tấn L2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV TAND tỉnh Tây Ninh
- VKSND huyện G, tỉnh Tây Ninh;
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang

